THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Là loại hình công ty cổ phần.

1.2 *Lĩnh vực kinh doanh*

Thương mại, xuất nhập khẩu, xây dựng, đầu tư.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh, cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;
- Xuất khẩu máy móc, thiết bị,vật tư nguyên nhiên liệu, hàng hóa;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;
- Vận tải xăng dầu đường bộ;
- Karaoke;
- Giết mổ gia súc;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 Đặc điểm hoạt động của tập đoàn

- Tổng số công ty con: 01
  - Số lượng công ty con hợp nhất 01
  - Số lượng công ty con không hợp nhất 0
- Danh sách các công ty con:
  - Tên công ty : Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn
  - Địa chỉ : Số 14/7A đường Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.
  - Tỷ lệ : 100%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại, xuất nhập khẩu, xây dựng, đầu tư và cho thuê mặt bằng.

2 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá hạch toán ngày 31/12/2011: 20.828 VNĐ/USD.

3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty.

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp lý kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý diễn ra tại ngày trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản và nợ phải trả có thể xác định đượcvà nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Nhập trước – xuất trước;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.4 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- ***Nguyên tắc đánh giá:***

  Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

  Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

  Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Phương pháp khấu hao áp dụng:***

  Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

- ***Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:***

Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình	20 - 50 năm

4.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.
- Thời hạn khấu hao: 50 năm

4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, tiền thuê mặt bằng được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.12 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;

- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ .

4.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số thuế quyết toán và khoản dự trù thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	296.126.668	143.730.823
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	46.312.607.093	77.711.915.867
	Tổng cộng	**46.608.733.761**	**77.855.646.690**

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết gồm:

STT	Ngân hàng	Cuối năm	Đầu năm
1.	Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh	142.193.302	1.101.958.719
2.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hóc Môn	6.632.709.046	17.654.142.035
3.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Sài Gòn	6.212.302.412	5.231.331.037
4.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Phòng giao dịch Tây Bắc	14.461.338.297	11.744.944.165
5.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hóc Môn	18.833.651.261	41.729.847.757
6.	Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch Trảng Trâu		1.000.000
7.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	30.397.680	248.682.644
8.	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông	15.095	9.510
	Cộng	**46.312.607.093**	**77.711.915.867**

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Là khoản đầu tư Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội, số lượng 50.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

5.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn

Là khoản lập dự phòng giảm giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội.

5.4 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Các khách hàng dự án Khu dân cư Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn	2.171.368.000	2.062.278.755
Công ty TNHH Thương mại Huy Long	876.281.760	-
Doanh nghiệp Tư nhân Phan Thanh Loan	504.938.791	37.588.791
DNTN Xăng dầu Hoàng Anh	447.840.000	170.560.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Kim Long	423.143.750	497.708.750
Các khách hàng khác	1.788.086.101	1.430.990.368
Cộng	**6.211.658.402**	**4.199.126.664**

5.5 Trả trước cho người bán

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Võ Đình	6.680.085.291	1.195.407.075
Công ty TNHH Đại Nguyễn	2.921.025.750	858.814.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Khánh Hội căn nhà mơ ước	602.136.000	602.136.000
Các khách hàng khác	466.525.426	2.793.544.230
Cộng	**10.669.772.467**	**5.449.902.055**

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Lãi cổ tức, kỳ phiếu, tiền gửi kỳ hạn	414.244.800	514.916.666
Các khoản phải thu khác	221.777.079	170.998.128
Cộng	**636.021.879**	**685.914.794**

5.7 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Đặng Văn Vân	130.000.000	130.000.000
Ngô Văn Quốc	60.000.000	60.000.000
Các khách hàng khác	28.100.000	200.840.000
Cộng	**218.100.000**	**390.840.000**

5.8 Hàng tồn kho

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.8.1	Nguyên liệu, vật liệu	-	-
5.8.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.8.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.607.001.640	53.445.576.876
5.8.4	Hàng hóa	5.973.070.992	5.525.032.931
5.8.5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(45.051.429)	(45.051.429)
Giá trị thuần của hàng tồn kho có thể thực hiện được		**76.535.021.203**	**58.925.558.378**

5.8.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chủ yếu là khoản chi phí xây dựng Khu dân cư 5 ha Xuân Thới Đông bao gồm : chi phí đền bù đất,..

5.8.4 Hàng hóa

Chủ yếu là xăng, dầu và nhớt các loại.

5.9 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là tiền thuế Thu nhập cá nhân Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn nộp thừa.

5.10 Tài sản ngắn hạn khác

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.10.1	Tạm ứng	40.500.000	3.240.000
5.10.2	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.000.000	42.000.000
Tổng cộng		**82.500.000**	**45.240.000**

5.10.1 Tạm ứng

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho nhân viên nhà hàng Hương Cau.

5.10.2 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Là khoản ký quỹ thuê mặt bằng cho Công ty Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn

5.11 Phải thu dài hạn khách hàng

Là các khoản phải thu các thương nhân thuê sạp, ô vựa tại Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn.

5.12 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	**9.315.962.756**	**8.717.613.836**	**2.514.404.758**	**294.597.465**	**20.842.578.815**
2. Tăng trong năm	3.545.365.770	1.384.501.001	-	-	4.929.866.771
3. Giảm trong năm	714.649.577	70.000.000	-	-	784.649.577
4. Số dư cuối năm	**12.146.678.949**	**10.032.114.837**	**2.514.404.758**	**294.597.465**	**24.987.796.009**
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	**5.206.267.504**	**3.035.623.101**	**1.821.146.796**	**174.885.557**	**10.237.922.958**
2. Tăng trong năm	863.446.415	1.111.292.204	214.498.768	54.515.946	2.243.753.333
3. Giảm trong năm	711.772.197	25.500.000			737.272.197
4. Số dư cuối năm	**5.357.941.722**	**4.121.415.305**	**2.035.645.564**	**229.401.503**	**11.744.404.094**
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	*4.109.695.252*	*5.681.990.735*	*693.257.962*	*119.711.908*	*10.604.655.857*
2. Tại ngày cuối năm	*6.788.737.227*	*5.910.699.532*	*478.759.194*	*65.195.962*	*13.243.391.915*

Trong đó: Nguyên giá Tài sản cố định khấu hao hết nhưng còn sử dụng với số tiền 2.864.606.612 đồng.

5.13 Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	**3.797.694.000**	**3.797.694.000**
2. Tăng trong năm	1.178.284.704	1.178.284.704
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**4.975.978.704**	**4.975.978.704**
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	**322.980.444**	**322.980.444**
2. Tăng trong năm	218.396.929	218.396.929
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**541.377.373**	**541.377.373**
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	*3.474.713.556*	*3.474.713.556*
2. Tại ngày cuối năm	*4.434.601.331*	*4.434.601.331*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 148/QSDĐ/Q1/2002 ngày 11 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, diện tích 604 m^2, thời gian sử dụng 20 năm (từ 2002), đất ở theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất ở số 33804/2001 ngày 31 tháng 12 năm 2001 với diện tích 200 m^2, và quyền sử dụng đất mặt bằng 1/6 Công ty Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn.

5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Dự án trung tâm thương mại Hóc Môn	50.648.844.607	16.989.770.257
Dự án lò giết mổ	27.832.940.763	-
Dự án Chợ rau Tân Xuân	17.226.403.585	18.153.956.807
Cộng	**95.708.188.955**	**35.143.727.064**

5.15 Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Nhà lồng chợ rau	Nhà lồng chợ thịt	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	**13.132.051.563**	**7.108.226.091**	**26.173.046.273**	**46.413.323.927**
2. Tăng trong năm	-	-	998.373	998.373
3. Giảm trong năm	-	-	712.526.747	712.526.747
4. Số dư cuối năm	**13.132.051.563**	**7.108.226.091**	**25.461.517.899**	**45.701.795.553**
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	**3.469.507.429**	**852.987.132**	**2.064.258.183**	**6.386.752.744**
2. Tăng trong năm	525.282.060	284.329.044	365.013.758	1.174.624.862
3. Giảm trong năm	-	-	208.042.899	208.042.899
4. Số dư cuối năm	**3.994.789.489**	**1.137.316.176**	**2.221.229.042**	**7.353.334.707**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	*9.662.544.134*	*6.255.238.959*	*24.108.788.090*	*40.026.571.183*
2. Tại ngày cuối năm	*9.137.262.074*	*5.970.909.915*	*23.240.288.857*	*38.348.460.846*

5.16 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.16.1	Đầu tư vào công ty con	-	-
5.16.2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
5.16.3	Đầu tư dài hạn khác	8.319.979.545	8.309.925.000
Tổng cộng		**8.319.979.545**	**8.309.925.000**

5.16.3 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Góp vốn vào dự án chung cư Khánh Hội 4 (*)	6.819.979.545	6.809.925.000
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Bến Thành Đức Khải	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	**8.319.979.545**	**8.309.925.000**

(*) Là khoản góp vốn vào dự án chung cư Khánh Hội 4_KHAHOMEX theo Hợp đồng số 13/HĐ-HĐĐT-KHM ngày 23 tháng 09 năm 2008.

5.17 Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí hệ thống cấp điện Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, thời gian phân bổ 3 năm.

5.18 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

5.19 Phải trả cho người bán

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Xăng dầu khu vực II	8.954.688.258	2.549.535.654
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	6.675.638.950	-
Công ty TNHH Gia Lập	34.095.730	1.664.305.100
Các khách hàng khác	669.752.999	874.210.024
Cộng	**16.334.175.937**	**5.088.050.778**

5.20 Người mua trả tiền trước

Chủ yếu là khoản khách hàng trả trước tiền hoán đổi đất của dự án Khu dân cư Chợ đầu mối Tân Xuân.

5.21 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	330.632.359	259.700.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.580.805.407	1.525.507.426
Thuế thu nhập cá nhân	22.426.228	123.990.559
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.248.247	1.233.562
Thuế tài nguyên	2.599.980	2.297.601
Thuế khác	-	51.827.850
Cộng	**3.937.712.221**	**1.964.557.373**

5.22 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.22.1	Kinh phí công đoàn	67.783.636	161.019.377
5.22.2	Bảo hiểm xã hội	39.295.680	36.065.590
5.22.3	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	240.000.000	240.000.000
5.22.4	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
5.22.5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	41.157.148.943	35.120.217.616
Tổng cộng		**41.504.228.259**	**35.557.302.583**

5.22.3 Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Nguyễn Huy Hoàng	140.000.000	140.000.000
Nguyễn Hùng Tiến	100.000.000	100.000.000
Cộng	**240.000.000**	**240.000.000**

5.22.5 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội (*) (khoản góp vốn đầu tư)	39.544.429.768	30.034.049.568
Chi phí đền bù các hộ cưỡng chế giải tỏa	722.351.000	722.351.000
Các khoản phải trả khác	890.368.175	4.363.817.048
Cộng	**41.157.148.943**	**35.120.217.616**

(*) Là khoản nhận góp vốn đầu tư xây dựng khu dân cư 5ha Xuân Thới Đông theo hợp đồng góp vốn số 14/KHM-DA ngày 23 tháng 9 năm 2010.

5.23 Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ thuê mặt bằng

5.24 Doanh thu chưa thực hiện

Chủ yếu là doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động cho thuê ô vựa tại Chợ đầu mối Nông sản Thực Phẩm Hóc Môn.

5.25 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	**35.000.000.000**	**11.803.395.003**	**1.750.000.000**	**25.417.842.565**	**73.971.237.568**
Tăng trong năm trước	-	14.588.214.582	1.452.072.029	23.939.326.200	39.979.612.811
Giảm trong năm trước	-	-	-	27.573.268.754	27.573.268.754
Số dư cuối năm trước	**35.000.000.000**	**26.391.609.585**	**3.202.072.029**	**21.783.900.011**	**86.377.581.625**
Số dư đầu năm nay	**35.000.000.000**	**26.391.609.585**	**3.202.072.029**	**21.783.900.011**	**86.377.581.625**
Tăng trong năm	17.500.000.000	10.186.526.079	423.927.971	25.490.600.524	53.601.054.574
Giảm trong năm	-	17.500.000.000	-	23.754.098.164	41.254.098.164
Số dư cuối năm	**52.500.000.000**	**19.078.135.664**	**3.626.000.000**	**23.520.402.371**	**98.724.538.035**

- ***Chi tiết nguồn vốn***

	Tỷ lệ	Cuối năm	Đầu năm
Vốn cổ đông Nhà nước	24,98%	13.113.500.000	7.000.000.000
Vốn cổ đông khác	75,02%	39.386.500.000	28.000.000.000
Cộng	**100,00%**	**52.500.000.000**	**35.000.000.000**

- ***Cổ phiếu***

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*5.250.000*	*3.500.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
▪ Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	5.250.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*5.250.000*	*3.500.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
▪ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*5.250.000*	*3.500.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
▪ Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

▪ ***Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối gồm :***

Số dư đầu năm (1)	21.783.900.011
Phân phối năm 2011 (2)	23.754.098.164
Quỹ đầu tư phát triển	*10.186.526.079*
Quỹ dự phòng tài chính	*423.927.971*
Quỹ khen thưởng – phúc lợi	*6.294.781.240*
Chia cổ tức	*6.825.000.000*
Giảm khác	*23.862.874*
Lợi nhuận sau thuế năm 2011 (3)	25.490.600.524
Số dư cuối kỳ (4) = (1) + (3) – (2)	**23.520.402.371**

5.26 Nguồn kinh phí và quỹ khác

▪ **Nguồn kinh phí**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí đầu năm	29.284.737.514	32.518.072.593
Nguồn kinh phí phát sinh trong năm	143.919.366	-
Chi sử dụng trong năm	(61.840.941)	-
Nộp giảm tạm ứng đền bù năm 2002 của dự án xây dựng chợ đầu mối Nông sản	-	(3.233.335.079)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	**29.366.815.939**	**29.284.737.514**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xăng dầu	797.825.009.804	500.977.306.092
Doanh thu ăn uống	2.808.312.951	2.869.457.351
Doanh thu kinh doanh nhà	10.098.271.585	13.318.953.739
Doanh thu hoạt động chợ	46.973.267.107	42.638.171.193
Doanh thu khác	10.405.855.977	9.737.186.955
Cộng	**868.110.717.424**	**569.541.075.330**

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu	785.639.496.163	489.412.503.699
Giá vốn ăn uống	1.772.834.737	1.719.418.865
Giá vốn kinh doanh nhà	1.623.804.746	3.333.640.701
Giá vốn hoạt động chợ	22.176.403.695	19.358.410.580
Giá vốn khác	1.268.112.550	1.227.492.257
Cộng	**812.480.651.891**	**515.051.466.102**

6.3 Doanh thu tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và cho vay	7.632.743.244	10.788.475.243
Lãi bán hàng trả chậm	636.313.398	922.778.778
Doanh thu tài chính khác	159.507.042	340.488.380
Cộng	**8.428.563.684**	**12.051.742.401**

6.4 Chi phí tài chính

Chủ yếu là khoản trích dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

6.5 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.637.145.236	12.249.554.101
Chi phí vật liệu quản lý	260.308.415	356.949.572
Chi phí công cụ, dụng cụ	311.045.083	380.883.807
Chi phí khấu hao	1.933.213.515	1.958.242.345
Chi phí mua ngoài	4.412.427.472	4.678.545.584
Chi phí khác	990.341.966	759.821.273
Cộng	**19.544.481.687**	**20.383.996.682**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.466.240.065	11.016.162.124
Chi phí vật liệu quản lý	110.927.948	121.525.454
Chi phí dụng cụ văn phòng	142.667.922	148.078.592
Chi phí khấu hao	528.936.748	423.448.743
Thuế, phí và lệ phí	126.752.525	211.818.900
Chi phí dự phòng	(58.042.002)	98.618.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	896.266.711	862.491.158
Chi phí bằng tiền khác	2.096.059.372	2.086.642.369
Thù lao Hội đồng quản trị	*360.000.000*	*174.000.000*
Thù lao Ban kiểm soát	*132.000.000*	*62.400.000*
Chi phí bằng tiền khác	*1.604.059.372*	*1.850.242.369*
Cộng	**13.309.809.289**	**14.968.786.217**

6.7 Thu nhập khác

Chủ yếu là hoàn nhập chi phí trích trước của công trình, xử lý công nợ và thanh lý tài sản cố định.

6.8 Chi phí khác

Chủ yếu là giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý.

6.9 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiết

+ Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	*5.515.855.158*
+ Công ty TNHH quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối và Nông sản Hóc Môn	*2.997.076.854*
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2011	**8.512.932.012**

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	45.454.546	45.454.546
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	11.363.637	11.363.637

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.490.600.524	23.939.326.200
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thong	25.490.600.524	23.939.326.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.477.175	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.693	6.840

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ THU VÂN	LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP	LÊ VĂN MỴ